

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 63

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày từ nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Lê Vinh Hiền	Chủ tịch	29/4/2017	
Ông Lê Văn Điệp	Chủ tịch	25/4/2015	29/4/2017
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên	29/4/2017	
Ông Lê Vinh Hiền	Thành viên	25/4/2015	29/4/2017
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	29/4/2017	
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên	29/4/2017	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	29/4/2017	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban	29/4/2017	
Ông Nguyễn Hà Trường Hải	Thành viên	25/4/2015	29/4/2017
Ông Vũ Duy Hưng	Thành viên	25/4/2015	29/4/2017
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên	29/4/2017	
Bà Phạm Xuân Lan	Thành viên	29/4/2017	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Huy Giáp	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Hoàng Huân, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017, từ trang 6 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		451.969.923.143	435.438.269.932
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	105.055.295.939	101.890.778.581
1. Tiền	111		30.999.950.655	24.827.577.539
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.055.345.284	77.063.201.042
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.505.351.867	39.562.588.005
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.505.351.867	39.562.588.005
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.097.558.669	171.231.341.334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	158.053.180.501	145.695.765.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.139.690.306	31.095.074.027
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	22.962.011.262	15.820.686.370
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(26.057.323.400)	(21.380.184.440)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	132.350.494.693	118.965.897.473
1. Hàng tồn kho	141		133.041.172.548	119.780.886.055
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(690.677.855)	(814.988.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.961.221.975	3.787.664.539
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	427.301.641	126.150.657
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.512.454.838	3.261.961.610
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	21.465.496	399.552.272
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		303.684.496.857	258.088.122.612
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		165.910.000	165.910.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	165.910.000	165.910.000
II. Tài sản cố định	220		151.679.301.209	99.806.409.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	149.452.593.413	97.660.353.829
Nguyên giá	222		340.757.354.948	278.171.300.063
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(191.304.761.535)	(180.510.946.234)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.226.707.796	2.146.055.976
Nguyên giá	228		2.821.818.560	2.821.818.560
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(595.110.764)	(675.762.584)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		107.855.538.933	89.005.236.184
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	107.855.538.933	89.005.236.184
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		28.953.110.517	54.389.669.230
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	312.555.517	289.669.230
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	28.640.555.000	54.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.030.636.198	14.720.897.393
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.417.710.888	5.466.274.689
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	8.612.925.310	9.254.622.704
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		755.654.420.000	693.526.392.544

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh
Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		473.116.051.081	417.887.125.299
I. Nợ ngắn hạn	310		388.401.364.739	362.120.902.801
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	119.744.233.719	115.742.514.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	40.106.617.365	56.007.704.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.770.926.182	10.292.345.468
4. Phải trả người lao động	314		8.193.302.819	10.080.141.793
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	46.615.523.100	61.818.841.427
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	37.039.626.800	11.967.330.621
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.553.502.823	2.603.716.048
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	99.655.503.999	85.130.339.354
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	5.472.708.004	3.439.033.873
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	12.249.419.928	5.038.935.268
II. Nợ dài hạn	330		84.714.686.342	55.766.222.498
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	84.714.686.342	55.766.222.498
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		282.538.368.919	275.639.267.245
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	282.538.368.919	275.639.267.245
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.070.000	119.999.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		119.999.070.000	119.999.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.990.117.493	36.355.278.439
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.944.685.919	108.247.712.931
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		53.795.626.571	21.899.322.390
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		53.149.059.348	86.348.390.541
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.903.565.507	5.336.275.875
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		755.654.420.000	693.526.392.544

Tiền Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2017



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		423.590.645.373	380.853.663.412
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	84.600.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	423.590.645.373	380.769.063.412
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	308.736.699.119	294.020.660.451
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.853.946.254	86.748.402.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.641.137.421	2.011.615.481
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.933.409.961	2.563.681.350
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.933.409.961</i>	<i>2.563.681.350</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	49.992.544	2.981.859
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	31.901.650.105	29.757.927.500
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.806.863.221	14.063.190.249
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.903.152.932	42.378.201.202
12. Thu nhập khác	31		334.943.341	1.074.339.532
13. Chi phí khác	32		1.343.144.538	1.690.203.907
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	(1.008.201.197)	(615.864.375)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.894.951.735	41.762.336.827
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	11.536.905.361	5.276.891.339
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	641.697.394	(634.085.792)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.716.348.980	37.119.531.280
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		53.149.059.348	37.441.843.406
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(432.710.368)	(322.312.126)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	4.163	3.521
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	4.163	3.521

Tiền Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2017


TRẦN HOÀNG HUÂN
 Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
 Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.894.951.735	41.762.336.827
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.706.645.321	9.712.146.463
- Các khoản dự phòng	03		6.586.502.364	1.101.153.169
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.735.255)	(673.187)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.684.394.710)	(2.114.458.022)
- Chi phí lãi vay	06		2.933.409.961	2.563.681.350
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.430.379.416	53.024.186.600
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	VII	(8.556.192.207)	23.728.453.638
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(12.143.575.178)	14.924.864.852
- (Giảm)/ Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(2.545.013.389)	94.447.581.647
- Tăng chi phí trả trước	12		(1.182.737.131)	(291.345.273)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(4.067.627.254)	(4.187.974.341)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.038.690.498)	(5.901.864.859)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.637.400.000)	(5.557.017.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.259.143.759	170.186.885.264
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(79.430.961.909)	(44.649.894.955)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	100.558.114
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.742.901.154)	(54.178.578.219)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.259.582.292	632.674.799
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	6.339.011.626	1.698.493.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.575.269.145)	(96.396.747.260)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		269.226.522.823	264.806.110.078
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(225.752.894.334)	(322.445.964.405)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(35.999.721.000)	(3.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.473.907.489	(61.239.854.327)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.157.782.103	12.550.283.677
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		101.890.778.581	82.141.015.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.735.255	673.187
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	105.055.295.939	94.691.972.683



LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU B 09a-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (tên tiếng Anh là Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là TICCO) tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2003. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5303000020 (số mới là 1200526842) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi đến lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

- **Vốn điều lệ** : 119.999.070.000 VND
Số cổ phiếu : 11.999.907 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại : (0273) 3 872 878
Fax : (0273) 3 850 597
Website : www.TICCO.com.vn
Email : TICCO@TICCO.com.vn
Mã số thuế : **1 2 0 0 5 2 6 8 4 2**

Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL)
Địa chỉ : Lô 1, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Mã số thuế : **1 2 0 0 5 2 6 8 4 2 - 0 0 7**

Xí nghiệp trực thuộc

Tên xí nghiệp trực thuộc

Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng

Địa chỉ

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên xí nghiệp trực thuộc

Xí nghiệp Thi công Cơ giới

Địa chỉ

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành, nghề kinh doanh :

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Cấu trúc của Công ty**

Tại kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ, 5 công ty con cấp 1, 1 công ty con cấp 2 và chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 1 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ, 1 Chi nhánh và 2 Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc. Tất cả các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Chi tiết như sau:

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC	Lô 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOC	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCOC An Giang	Số 3 Lê Lợi, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	75,42%	75,42%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCOC	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCOC	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	100,00%	100,00%

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cọc TICCOC	Ấp 1, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực	100,00%	100,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Testco	Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình	20%	20%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi nhánh và các xí nghiệp trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCOC (TICCOREAL)	Lô 1 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh bất động sản
Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng	Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Xí nghiệp Thi công Cơ giới	Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công cơ giới, cho thuê thiết bị

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các công ty con) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 456 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 444 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 thuộc kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính giữa niên độ sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thực hiện giao dịch với công ty liên kết, nếu phát sinh lãi, Công ty chỉ ghi nhận khoản lãi tương ứng phần sở hữu của các bên khác trong công ty liên kết. Khoản lãi chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ngược lại, khi công ty liên kết thực hiện giao dịch với Công ty, nếu phát sinh lãi, Công ty không được ghi nhận phần lãi tương ứng với phần sở hữu của Công ty từ giao dịch đó.

6. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại (lợi thế thương mại âm) là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu về bán bê tông, phải thu thi công công trình xây dựng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thủy lợi, thi công cơ giới, phải thu về sửa chữa, gia công cơ khí và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, tạm ứng cổ tức; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	5 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

15. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê đất trả trước, chi phí trả trợ cấp mất việc, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí trả trợ cấp mất việc là toàn bộ chi phí mà Công ty chi ra để tinh giảm nhân sự bao gồm trợ cấp mất việc làm, tiền hỗ trợ tìm việc làm,... Chi phí trả trợ cấp mất việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.
- Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm; riêng các công cụ, dụng cụ là coffa, cù,... sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng thủy lợi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo quyết toán chi phí công trình.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, nhận giá trị công trình thi công, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: phải trả cổ tức; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; nhận ký quỹ, ký cược; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... và các khoản phải trả khác.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 5% trên doanh thu các sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có yêu cầu bảo hành.

18. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

22. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,...).

23. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

26. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

27. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	31/12/2016
Tiền mặt	453.218.349	511.211.225
Tiền gửi ngân hàng (i)	30.546.732.306	24.316.366.314
Các khoản tương đương tiền (ii)	74.055.345.284	77.063.201.042
Cộng	105.055.295.939	101.890.778.581

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty và các công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ và Công ty TNHH MTV Xây dựng) là 25.720.925.272 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 21.670.357.066 VND) đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.
- (ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm (năm 2016: 4,3%/năm đến 5,2%/năm).

Trong số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 2.240.952.344 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.192.848.488 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17 tháng 10 năm 2016 (xem Thuyết minh số V.19).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2017		31/12/2016	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	36.505.351.867	36.505.351.867	39.562.588.005	39.562.588.005
Tiền gửi có kỳ hạn	36.505.351.867	36.505.351.867	39.562.588.005	39.562.588.005
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	11.501.975.779	11.501.975.779	16.424.983.838	16.424.983.838
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	23.803.376.088	23.803.376.088	23.137.604.167	23.137.604.167
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-
Dài hạn	28.640.555.000	28.640.555.000	54.100.000.000	54.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	28.640.555.000	28.640.555.000	54.100.000.000	54.200.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngân hàng TMCP</i>				
<i>Đầu tư và Phát triển</i>				
<i>Việt Nam - Chi nhánh</i>				
<i>Tiền Giang</i>	28.640.555.000	28.640.555.000	54.100.000.000	54.200.000.000
Cộng	65.145.906.867	65.145.906.867	93.662.588.005	93.762.588.005

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,125%/năm (năm 2016: lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,125%/năm).

Trong số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang bao gồm 8.773.318.698 VND, trong đó ngắn hạn: 2.224.522.031 VND và dài hạn: 6.548.796.667 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.266.472.601 VND, bao gồm ngắn hạn: 2.166.472.601 VND và dài hạn: 2.100.000.000 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17 tháng 10 năm 2016 (xem Thuyết minh số V.19).

	30/6/2017	31/12/2016
b) Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Testco	312.555.517	289.669.230
Cộng	312.555.517	289.669.230

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình.

Chi tiết về giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	30/6/2017	31/12/2016
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	260.000.000
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã ghi nhận	52.555.517	29.669.230
Cộng	312.555.517	289.669.230

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	30/6/2017	31/12/2016
Tổng tài sản	1.680.994.278	1.895.045.655
Tổng công nợ	118.216.696	241.998.312
Tài sản thuần	1.562.777.582	1.653.047.343
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết	312.555.517	330.609.469
Lợi nhuận được chia	-	(23.400.000)
Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong kỳ/ năm	-	(17.540.239)
Phần tài sản thuần đầu tư vào công ty liên kết	312.555.517	289.669.230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Doanh thu thuần	901.203.727	717.487.002
Lợi nhuận thuần	162.261.526	24.758.753
Phần lợi nhuận được chia từ kết quả kinh doanh của công ty liên kết	32.452.305	4.951.750
Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong kỳ	17.540.239	(1.969.891)
Phần lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sau khi hợp nhất	49.992.544	2.981.859

3. Phải thu của khách hàng

	30/6/2017	31/12/2016
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	2.512.865.075	2.112.348.174
Phải thu khách hàng bán bê tông	102.915.188.666	86.748.446.650
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	47.004.128.450	50.756.097.743
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	1.069.910.540	3.501.143.140
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	219.174.100	369.700.000
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	4.331.913.670	2.208.029.670
Cộng	158.053.180.501	145.695.765.377

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty và các công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC và Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOC) là 145.842.727.703 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 135.075.364.825 VND), đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.19).

4. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán kinh doanh vật liệu xây dựng	253.198.741	2.178.089
Trả trước cho người bán bê tông	8.010.438.053	28.867.862.783
Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng	11.778.507.012	1.242.720.998
Trả trước cho người bán sửa chữa, gia công cơ khí	7.700.000	3.785.657
Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.089.846.500	978.526.500
Cộng	21.139.690.306	31.095.074.027

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	22.962.011.262	(265.668.853)	15.820.686.370	(265.668.853)
Sở Tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	(255.168.853)	255.168.853	(255.168.853)
Lãi tiền gửi phải thu	1.371.354.783	-	2.049.964.243	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-	-	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Gò Công	866.250.000	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	16.353.138.441	-	12.901.892.825	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	587.079.185	(10.500.000)	613.660.449	(10.500.000)
b) Dài hạn	165.910.000	-	165.910.000	-
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	60.010.000	-	60.010.000	-
Ký quỹ vỏ chai oxy	105.900.000	-	105.900.000	-
Cộng	23.127.921.262	(265.668.853)	15.986.596.370	(265.668.853)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	30/6/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	41.056.712.768	15.664.461.721	(25.392.251.047)	24.106.609.724	3.391.497.637	(20.715.112.087)
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	328.679.475	228.941.150	(99.738.325)	91.089.675	38.042.837	(53.046.838)
Phải thu khách hàng bán bê tông	26.312.434.855	10.912.536.565	(15.399.898.290)	16.980.793.424	2.791.364.979	(14.189.428.445)
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	12.406.815.228	4.522.984.006	(7.883.831.222)	5.005.943.415	562.089.821	(4.443.853.594)
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	276.408.540	-	(276.408.540)	276.408.540	-	(276.408.540)
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.732.374.670	-	(1.732.374.670)	1.752.374.670	-	(1.752.374.670)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	399.403.500	-	(399.403.500)	399.403.500	-	(399.403.500)
Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng	283.907.000	-	(283.907.000)	283.907.000	-	(283.907.000)
Trả trước cho người bán hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	115.496.500	-	(115.496.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
Phải thu ngắn hạn khác	265.668.853	-	(265.668.853)	265.668.853	-	(265.668.853)
Phải thu khác	265.668.853	-	(265.668.853)	265.668.853	-	(265.668.853)
Cộng	41.721.785.121	15.664.461.721	(26.057.323.400)	24.771.682.077	3.391.497.637	(21.380.184.440)

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, xây dựng, cung cấp dịch vụ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... các khoản trả trước người bán hay các khoản phải thu khác,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,...theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.144.673.002	-	16.710.523.963	
Công cụ, dụng cụ	311.775.595	-	303.139.231	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	65.327.463.529	(690.677.855)	69.803.796.872	(814.988.582)
Thành phẩm	32.058.836.921	-	31.943.337.812	-
Thành phẩm bê tông đúc sẵn	15.947.656.261	-	15.573.332.256	-
Thành phẩm bất động sản (i) (ii)	16.111.180.660	-	16.370.005.556	-
Hàng hóa	2.198.423.501	-	1.020.088.177	-
Cộng	133.041.172.548	(690.677.855)	119.780.886.055	(814.988.582)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các công trình xây dựng	13.772.981.538	(690.677.855)	10.365.593.664	(367.440.582)
Các công trình thi công cơ khí	1.233.296.303	-	1.148.493.931	-
Các dự án bất động sản	50.321.185.688	-	58.289.709.277	(447.548.000)
Dự án KDC Trương Định	324.104.435	-	505.338.221	-
Dự án KDC Lê Văn Phẩm (iii)	36.054.308.051	-	57.065.571.548	-
Dự án KDC Nguyễn Trãi	13.882.599.693	-	211.077.999	-
Dự án KDC Mỹ Thạnh Hưng (ii)	60.173.509	-	60.173.509	-
Các dự án khác	-	-	447.548.000	(447.548.000)
Cộng	65.327.463.529	(690.677.855)	69.803.796.872	(814.988.582)

(i) Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm đất nền phân lô thuộc dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng và dự án Khu Dân cư Mỹ Thạnh Hưng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(iii) Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.19).

8. Chi phí trả trước

	30/6/2017	31/12/2016
a) Ngắn hạn	427.301.641	126.150.657
Công cụ, dụng cụ	109.667.471	68.477.918
Chi phí sửa chữa	-	57.672.739
Tiền thuê đất	309.400.967	-
Chi phí khác	8.233.203	-
b) Dài hạn	6.417.710.888	5.466.274.689
Trợ cấp mất việc	123.163.913	369.491.747
Công cụ, dụng cụ	5.145.859.394	4.549.478.889
Chi phí sửa chữa	1.148.687.581	547.304.053
Cộng	6.845.012.529	5.592.425.346

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2017	40.912.170.788	161.931.112.176	72.757.934.421	1.515.501.587	1.054.581.091	278.171.300.063
Tăng trong kỳ	-	50.601.316.150	11.984.738.735	-	73.526.372	62.659.581.257
Mua sắm trong kỳ	-	113.636.365	-	-	-	113.636.365
Xây dựng hoàn thành	-	50.487.679.785	11.984.738.735	-	73.526.372	62.545.944.892
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	73.526.372	73.526.372
Giảm tài sản không đủ tiêu chuẩn	-	-	-	-	73.526.372	73.526.372
30/6/2017	40.912.170.788	212.532.428.326	84.742.673.156	1.515.501.587	1.054.581.091	340.757.354.948
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2017	14.152.842.878	128.611.192.232	36.057.708.438	1.169.716.171	519.486.515	180.510.946.234
Tăng trong kỳ	995.866.745	6.129.128.207	3.510.977.803	46.193.042	115.325.824	10.797.491.621
Khấu hao trong kỳ	995.866.745	6.129.128.207	3.510.977.803	46.193.042	115.325.824	10.797.491.621
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	3.676.320	3.676.320
Giảm tài sản không đủ tiêu chuẩn	-	-	-	-	3.676.320	3.676.320
30/6/2017	15.148.709.623	134.740.320.439	39.568.686.241	1.215.909.213	631.136.019	191.304.761.535
Giá trị còn lại						
01/01/2017	26.759.327.910	33.319.919.944	36.700.225.983	345.785.416	535.094.576	97.660.353.829
30/6/2017	25.763.461.165	77.792.107.887	45.173.986.915	299.592.374	423.445.072	149.452.593.413

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng						
01/01/2017	589.427.399	26.923.871.812	4.173.521.996	456.170.305	-	32.142.991.512
30/6/2017	751.171.216	26.870.411.812	4.659.422.927	793.170.305	49.444.993	33.123.621.253
GTCL của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.19)						
01/01/2017	20.621.417.294	33.584.217.113	31.694.079.008	266.800.379	-	86.166.513.794
30/6/2017	19.740.926.133	75.574.904.762	40.236.069.371	238.730.705	-	135.790.630.971

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Các quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài không khấu hao.

Giá trị phần mềm kế toán của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2017	2.471.554.760	350.263.800	2.821.818.560
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2017	2.471.554.760	350.263.800	2.821.818.560
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2017	500.630.684	175.131.900	675.762.584
Tăng trong kỳ	28.249.896	29.188.650	57.438.546
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>28.249.896</i>	<i>29.188.650</i>	<i>57.438.546</i>
Giảm trong kỳ	138.090.366	-	138.090.366
<i>Điều chỉnh giảm khấu hao trong kỳ</i>	<i>138.090.366</i>		<i>138.090.366</i>
30/6/2017	390.790.214	204.320.550	595.110.764
Giá trị còn lại			
01/01/2017	1.970.924.076	175.131.900	2.146.055.976
30/6/2017	2.080.764.546	145.943.250	2.226.707.796

Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

Ngoài ra, các quyền sử dụng đất trên của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO còn được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2017	31/12/2016
Mua sắm tài sản cố định	11.719.660.696	4.490.829.600
Chi phí xây dựng cơ bản	96.008.611.237	84.496.277.493
Sửa chữa lớn tài sản cố định	127.267.000	18.129.091
Cộng	107.855.538.933	89.005.236.184

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Năm 2016			
Chi phí phải trả	91.011.952	3.850.610	94.862.562
Chi phí dự phòng	503.700.913	624.903.428	1.128.604.341
Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	4.440.000	381.800.144	386.240.144
Khấu hao TSCĐ	818.995.898	209.798.622	1.028.794.520
Chi phí phân bổ	49.022.824	246.813.524	295.836.348
Các khoản lỗ tính thuế	4.489.612.184	(1.142.374.056)	3.347.238.128
Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	2.102.394.425	870.652.236	2.973.046.661
Cộng	8.059.178.196	1.195.444.508	9.254.622.704
6 tháng đầu năm 2017			
Chi phí phải trả	94.862.562	(72.298.926)	22.563.636
Chi phí dự phòng	1.128.604.341	(615.812.519)	512.791.822
Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	386.240.144	225.960.773	612.200.917
Khấu hao TSCĐ	1.028.794.520	174.249.373	1.203.043.893
Chi phí phân bổ	295.836.348	(9.434.212)	286.402.136
Các khoản lỗ tính thuế	3.347.238.128	(434.940.839)	2.912.297.289
Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	2.973.046.661	90.578.956	3.063.625.617
Cộng	9.254.622.704	(641.697.394)	8.612.925.310

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 14.561.486.445 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 14.004.736.808 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 2.912.297.289 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.347.238.128 VND) theo khoản lỗ trên.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

<u>Năm</u>	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>Ghi chú</u>
2018	12.294.142.828	12.294.142.828	Lỗ tính thuế năm 2013
2020	1.710.593.980	1.710.593.980	Lỗ tính thuế năm 2015
2022	556.749.637	-	Lỗ tính thuế 6 tháng đầu năm 2017
Cộng	14.561.486.445	14.004.736.808	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	3.125.525.482	3.125.525.482	2.624.081.321	2.624.081.321
Phải trả người bán bê tông	91.850.339.100	91.850.339.100	40.371.244.324	40.371.244.324
Phải trả người bán thi công công trình xây dựng	22.249.970.866	22.249.970.866	70.048.819.951	70.048.819.951
Phải trả người bán sửa chữa, gia công cơ khí	816.795.162	816.795.162	1.196.836.312	1.196.836.312
Phải trả người bán thi công cơ giới	337.584.882	337.584.882	291.054.198	291.054.198
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.364.018.227	1.364.018.227	1.210.478.843	1.210.478.843
Cộng	119.744.233.719	119.744.233.719	115.742.514.949	115.742.514.949

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Phải trả người bán thi công công trình xây dựng	3.776.454.870	3.776.454.870	1.645.154.870	1.645.154.870
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	369.843.200	369.843.200	369.843.200	369.843.200
Cộng	4.146.298.070	4.146.298.070	2.014.998.070	2.014.998.070

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2017	31/12/2016
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	79.182.500	2.641.000
Người mua bê tông trả tiền trước	6.412.021.728	5.035.980.201
Khách hàng thi công công trình xây dựng trả tiền trước	9.896.149.137	12.714.982.799
Khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí trả tiền trước	-	-
Khách hàng thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	23.711.464.000	38.246.300.000
Cộng	40.106.617.365	56.007.704.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2017
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	2.234.523.532	7.967.404.632	8.737.290.056	1.464.638.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.661.961.712	11.536.905.361	8.038.690.498	11.160.176.575
Thuế thu nhập cá nhân	(312.418.562)	3.171.456.384	1.651.505.123	1.207.532.699
<i>Thuế thu nhập cá nhân phải thu (*)</i>	<i>(399.552.272)</i>	<i>1.237.420.781</i>	<i>859.334.005</i>	<i>(21.465.496)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân phải nộp</i>	<i>87.133.710</i>	<i>1.934.035.603</i>	<i>792.171.118</i>	<i>1.228.998.195</i>
Các loại thuế khác	308.726.514	885.990.727	277.603.937	917.113.304
Thuế môn bài	-	20.000.000	20.000.000	-
Thuế đất	-	865.990.727	257.603.937	608.386.790
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	308.726.514	-	-	308.726.514
Cộng	9.892.793.196	23.561.757.104	18.705.089.614	14.749.460.686

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	399.552.272	-	21.465.496
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>10.292.345.468</u>	-	<u>14.770.926.182</u>

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
- + Thuế suất 5% : Hoạt động thi công đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp
- + Thuế suất 10% : Hoạt động khác

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	31/12/2016
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	50.656.135	5.384.000
Giá vốn ước tính của các dự án bất động sản	39.538.102.299	58.323.819.351
Chi phí thi công công trình xây dựng	6.299.593.915	2.927.974.487
Các chi phí phải trả khác	557.129.426	374.116.286
Cộng	<u>46.615.523.100</u>	<u>61.818.841.427</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Doanh thu chưa thực hiện hợp đồng thi công xây dựng	-	558.785.455
Doanh thu thu tiền trước bán đất nền	37.039.626.800	11.408.545.166
Cộng	<u>37.039.626.800</u>	<u>11.967.330.621</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	104.101.023	89.678.173
Các khoản bảo hiểm phải nộp	24.848.105	10.416.607
Thù lao HĐQT	66.688.731	66.688.732
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần 6.3	1.846.793.699	-
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi nền đất dự án KDC Trương Định nổi dài	469.000.887	379.000.887
Cổ tức	102.028.000	102.028.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	30.000.000
Các khoản phải trả khác	1.259.318.791	1.245.180.062
Cộng	<u>4.553.502.823</u>	<u>2.603.716.048</u>

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Thù lao HĐQT	66.688.731	66.688.732
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Cổ tức	102.000.000	102.000.000
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Cộng	<u>849.412.318</u>	<u>849.412.319</u>

Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco (*)	<u>13.186.591</u>	<u>13.186.591</u>
----------------------------	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	99.655.503.999	99.655.503.999	237.857.558.979	(223.332.394.334)	85.130.339.354	85.130.339.354
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>87.507.766.839</i>	<i>87.507.766.839</i>	<i>237.633.690.399</i>	<i>(201.252.035.917)</i>	<i>51.126.112.357</i>	<i>51.126.112.357</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	87.507.766.839	87.507.766.839	237.633.690.399	(201.252.035.917)	51.126.112.357	51.126.112.357
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (i)</i>	<i>14.206.188.913</i>	<i>14.206.188.913</i>	<i>22.232.756.640</i>	<i>(17.174.564.160)</i>	<i>9.147.996.433</i>	<i>9.147.996.433</i>
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ (ii)</i>	<i>69.401.577.926</i>	<i>69.401.577.926</i>	<i>208.111.362.002</i>	<i>(178.037.900.000)</i>	<i>39.328.115.924</i>	<i>39.328.115.924</i>
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ (iii)</i>	<i>3.900.000.000</i>	<i>3.900.000.000</i>	<i>7.289.571.757</i>	<i>(6.039.571.757)</i>	<i>2.650.000.000</i>	<i>2.650.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	12.147.737.160	12.147.737.160	223.868.580	(22.080.358.417)	34.004.226.997	34.004.226.997
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	-	-	(5.850.000.000)	(17.053.489.837)	22.903.489.837	22.903.489.837
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(5.850.000.000)</i>	<i>(17.053.489.837)</i>	<i>22.903.489.837</i>	<i>22.903.489.837</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	12.147.737.160	12.147.737.160	6.073.868.580	(5.026.868.580)	11.100.737.160	11.100.737.160
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (v)</i>	<i>8.424.036.000</i>	<i>8.424.036.000</i>	<i>4.212.018.000</i>	<i>(3.165.018.000)</i>	<i>7.377.036.000</i>	<i>7.377.036.000</i>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICC O (v)</i>	3.723.701.160	3.723.701.160	1.861.850.580	(1.861.850.580)	3.723.701.160	3.723.701.160
Vay dài hạn	84.714.686.342	84.714.686.342	31.368.963.844	(2.420.500.000)	55.766.222.498	55.766.222.498
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	59.267.524.662	59.267.524.662	32.838.582.424	(247.000.000)	26.675.942.238	26.675.942.238
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICC O (iv)</i>	59.267.524.662	59.267.524.662	32.838.582.424	(247.000.000)	26.675.942.238	26.675.942.238
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (vi)	13.374.411.680	13.374.411.680	(6.073.868.580)	-	19.448.280.260	19.448.280.260
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (v)</i>	5.616.696.000	5.616.696.000	(4.212.018.000)	-	9.828.714.000	9.828.714.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICC O (vi)</i>	7.757.715.680	7.757.715.680	(1.861.850.580)	-	9.619.566.260	9.619.566.260
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (vii)	7.468.500.000	7.468.500.000	-	(2.173.500.000)	9.642.000.000	9.642.000.000
Vay dài hạn cá nhân	4.604.250.000	4.604.250.000	4.604.250.000	-	-	-
Tổng cộng	184.370.190.341	184.370.190.341	269.226.522.823	(225.752.894.334)	140.896.561.852	140.896.561.852

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết vay và nợ chủ yếu như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/433488/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2016 và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng là 6%/năm - 8%/năm (năm 2016: 6%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1), toàn bộ tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9), toàn bộ số dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17 tháng 10 năm 2016 với hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2016. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem Thuyết minh số V.2a) để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang là 39.366.426.310 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 78.887.956.145 VND).

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2016/1678922/HĐTD ngày 5 tháng 9 năm 2016. Hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 5 tháng 9 năm 2016. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất áp dụng từ 5%/năm - 6,8%/năm (năm 2016: 5%/năm - 6%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.10), toàn bộ số dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/1678922/HĐBL ngày 5 tháng 9 năm 2016 với hạn mức bảo lãnh là 10.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 5 tháng 9 năm 2016. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ còn ký quỹ 10% số tiền bảo lãnh khi phát hành thư đảm bảo và 50% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh thanh toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ là 1.251.718.318 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND).

- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2016/2136723/HĐTD ngày 22 tháng 7 năm 2016. Hạn mức tín dụng là 14.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2017. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất áp dụng từ 6%/năm đến 6,8%/năm (năm 2016: 6 - 7%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thi công các công trình xây dựng. Các khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ được đảm bảo bằng toàn bộ số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3), toàn bộ tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.10) của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ.

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/2136723/HĐBL ngày 22 tháng 7 năm 2016 với hạn mức bảo lãnh là 7.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2016. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ còn ký quỹ 10% số tiền bảo lãnh khi phát hành thư đảm bảo và 50% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh thanh toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 60.000.000 VND).

(iv) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2015/1678922/HĐTD ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/2016/1678922/HĐTD ngày 13 tháng 12 năm 2016 với hạn mức 117.000.000.000 VND, thời hạn vay là 6 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư dự án Nhà máy Sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm tại Nhà máy Bê tông Tân Phước. Khoản vay được ân hạn 12 tháng, lãi vay áp dụng là 6,5%/năm - 8%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 55.658.524.662 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1678922/HĐTD ngày 3 tháng 11 năm 2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/2017/1678922/HĐTD ngày 3 tháng 11 năm 2017 với hạn mức 2.470.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư dự án thiết bị thi công cọc bê tông. Lãi vay áp dụng là 10.9%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2.223.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2017/1678922/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/1678922/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2017 với hạn mức 1.386.000.000 VND, thời hạn vay 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư xe tải có gắn cầu. Lãi vay áp dụng là 10.5%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.386.000.000 VND..

Công ty đã sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản này (xem Thuyết minh số V.9).

(v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2015 với số tiền là 25.272.780.000 VND, sau thời gian ân hạn, số tiền vay được trả hàng tháng là 702.003.000 VND. Các khoản vay của Hợp đồng tín dụng này chịu lãi suất từ 10%/năm - 11,5%/năm (năm 2016: 10,5%/ năm). Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng và dự án Khu Dân cư Mỹ Thạnh Hưng để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.7).

(vi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ theo Hợp đồng tín dụng số 2385/15/TD/XXVI ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức là 19.000.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi giai đoạn 1 - đợt 1" (Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi). Khoản vay được trả hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tháng, lãi vay 7,5%/năm (năm 2016: 7,5%/năm). Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).

- (vii) Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016 với số tiền vay là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất 7,8%/năm (năm 2016: 7,8%/năm). Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.7).

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	457.417.587	346.042.690
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	5.015.290.417	3.092.991.183
Cộng	<u>5.472.708.004</u>	<u>3.439.033.873</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Sử dụng các quỹ trong kỳ/ năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số cuối kỳ/ năm
Năm 2016					-
Quỹ khen thưởng	27.490.553	2.797.258.978	(1.747.690.000)	-	1.077.059.531
Quỹ phúc lợi	660.578.855	2.237.807.182	(836.784.520)	-	2.061.601.517
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	59.467.815	-	-	(20.388.960)	39.078.855
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	939.792	6.200.851.911	(4.340.596.338)	-	1.861.195.365
Cộng	748.477.015	11.235.918.071	(6.925.070.858)	(20.388.960)	5.038.935.268
6 tháng đầu năm 2017					
Quỹ khen thưởng	1.077.059.531	2.590.451.716	(2.232.400.000)	-	1.435.111.247
Quỹ phúc lợi	2.061.601.517	2.590.451.716	(405.000.000)	-	4.247.053.233
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	-	-	(10.194.480)	28.884.375
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.861.195.365	4.677.175.708	-	-	6.538.371.073
Cộng	5.038.935.268	9.858.079.140	(2.637.400.000)	(10.194.480)	12.249.419.928

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.22.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
01/01/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	30.760.760.484	58.254.215.923	5.190.798.049	204.905.774.456
Tăng vốn trong năm trước	19.999.070.000	(4.999.070.000)	-	-	-	15.000.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	86.348.390.541	149.650.562	86.498.041.103
Trích lập các quỹ	-	-	5.594.517.955	(16.830.436.026)	-	(11.235.918.071)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.452.523.000)	(147.477.000)	(20.600.000.000)
Điều chỉnh khác				928.065.493	143.304.264	1.071.369.757
31/12/2016	119.999.070.000	5.700.930.000	36.355.278.439	108.247.712.931	5.336.275.875	275.639.267.245
01/01/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	36.355.278.439	108.247.712.931	5.336.275.875	275.639.267.245
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	53.149.059.348	(432.710.368)	52.716.348.980
Trích quỹ các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	-	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	-	(35.999.721.000)
Điều chỉnh khác				40.552.834	-	40.552.834
30/6/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	44.990.117.493	106.944.685.919	4.903.565.507	282.538.368.919

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ.ĐHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	30/6/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	11.999.907	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.999.907</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.907	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.999.907</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

23. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất*Ngoại tệ các loại*

	Đơn vị tính	30/6/2017	31/12/2016
Đô la Mỹ	USD	378,35	378,35
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	3.473,75	3.473,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Đơn vị tính: VND****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tổng doanh thu	423.590.645.373	380.853.663.412
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	3.081.231.278	2.132.790.454
Doanh thu bán bê tông	293.261.015.189	230.140.360.744
Doanh thu thi công công trình xây dựng	82.205.629.459	53.166.658.685
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	63.442.727	1.182.753.636
Doanh thu thi công cơ giới	1.026.872.876	432.465.906
Doanh thu kinh doanh bất động sản	43.952.453.844	93.798.633.987
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	84.600.000
Giảm giá hàng bán	-	84.600.000
Doanh thu thuần	423.590.645.373	380.769.063.412

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	222.085.506	396.451.905
Giá vốn bán bê tông	226.078.883.229	166.356.214.020
Giá vốn thi công công trình xây dựng	75.778.267.728	46.053.643.618
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	54.523.148	773.672.078
Giá vốn thi công cơ giới	109.305.406	225.385.881
Giá vốn kinh doanh bất động sản	6.493.634.102	80.215.292.949
Cộng	308.736.699.119	294.020.660.451

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	5.634.402.166	2.010.918.049
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.735.255	697.432
Cộng	5.641.137.421	2.011.615.481

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	2.933.409.961	2.563.681.350
Cộng	2.933.409.961	2.563.681.350

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	5.142.841.618	5.025.453.334
Chi phí vật liệu, bao bì	8.920.399.247	6.012.534.668
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.081.818	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.073.132.572	2.756.700.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.215.445.405	12.194.864.067
Chi phí bằng tiền khác	1.548.749.445	3.768.375.038
Cộng	31.901.650.105	29.757.927.500

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	8.728.444.906	8.186.794.253
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	383.547.829	359.337.664
Chi phí dụng cụ quản lý	367.085.732	411.448.835
Chi phí khấu hao	444.436.643	544.686.120
Thuế phí và lệ phí	661.148.747	399.028.780
Chi phí dự phòng	4.726.401.960	447.845.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.010.752	353.084.525
Chi phí bằng tiền khác	3.979.786.652	3.360.964.666
Cộng	19.806.863.221	14.063.190.249

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	112.218.185
Doanh thu cho thuê	-	550.000.000
Hoàn nhập chi bảo hành công trình xây dựng	234.695.297	323.597.288
Thu tiền tiền phạt vi phạm hợp đồng	96.320.055	-
Thu nhập khác	3.927.989	88.524.059
Thu nhập khác	334.943.341	1.074.339.532
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	11.660.071
Chi phí vật tư, công cụ thanh lý	-	16.857.144
Chi phí khấu hao của TSCĐ và phân bổ CCDC chưa sử dụng	1.172.919.308	652.595.964
Chi phí cho thuê tàu	-	127.240.891
Chi phí các công trình không tiếp tục thi công	-	289.934.314
Tiền phạt chậm tiến độ xây dựng công trình	-	320.514.000
Tiền phạt thuế, chậm nộp, vi phạm hành chính	36.937.751	50.154.036
Chi phí khác	133.287.479	221.247.487
Chi phí khác	1.343.144.538	1.690.203.907
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	(1.008.201.197)	(615.864.375)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.894.951.735	41.762.336.827
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	4.916.530.624	2.335.781.907
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.890.933.659	2.432.885.927
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(974.403.035)	(97.104.020)
Trừ: Chuyển lỗ	-	(1.131.336.821)
Thu nhập (lỗ) chịu thuế	69.811.482.359	42.966.781.913
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế trong kỳ của hoạt động không ưu đãi	18.357.847.338	13.869.927.421
Thu nhập chịu thuế trong kỳ của hoạt động ưu đãi miễn thuế	13.141.848.684	-
Thu nhập chịu thuế trong kỳ của hoạt động ưu đãi giảm thuế	14.804.805.227	33.372.078.073
Lỗ không tính thuế trong kỳ	(1.952.286.104)	(4.275.223.581)
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2016	731.590.218	-
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2014 và 2015	3.146.953.086	-
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2011, 2012 và 2013	21.580.723.910	-

Thuế suất áp dụng:

Thuế suất áp dụng hoạt động ưu đãi tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

10%

10%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Thuế suất áp dụng hoạt động ưu đãi tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	15%	15%
Từ năm 2016 trở đi	20%	20%
Năm 2014 và năm 2015	22%	22%
Từ năm 2011 đến năm 2013	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.440.303.820	7.779.797.195
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(1.314.184.869)	-
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.110.360.392)	(2.502.905.855)
Cộng: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong kỳ	111.862.456	-
Cộng: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất bổ sung năm trước	409.284.346	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.536.905.361	5.276.891.339

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007) và 20% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2017). Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 thuộc năm thứ 7 Công ty được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất áp dụng là 7,5% (giảm 50% của thuế suất 15%).
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh Bê Tông Tân Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2017) và 20% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2017 đến năm 2020) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 thuộc năm đầu tiên Chi nhánh Bê Tông Tân Phước của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO có lãi nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài Khu Công nghiệp Mỹ Tho và huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và thu nhập khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.
- Đối với các dự án kinh doanh bất động sản (bán nền đất) chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được trong kỳ theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	53.149.059.348	37.441.843.406
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.188.943.561)	(2.234.026.477)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	49.960.115.787	35.207.816.929
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.999.907	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.163	3.521

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	49.960.115.787	35.207.816.929
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	49.960.115.787	35.207.816.929
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.999.907	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	11.999.907	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.163	3.521

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	255.333.862.240	216.036.536.467
Chi phí nhân viên	43.901.135.662	47.890.957.961
Chi phí khấu hao	9.688.481.136	9.100.217.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.926.159.427	43.222.013.239
Chi phí bằng tiền khác	20.374.829.261	11.672.790.231
Cộng	356.224.467.726	327.922.515.378

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
 Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	1.371.354.783	802.431.194
Tài sản cố định đã được mua sắm/ xây dựng từ tiền đã trả năm trước	461.820.000	-
Phải trả tiền mua sắm/ xây dựng tài sản cố định	1.689.829.370	-
Chi phí lãi vay phải trả	170.041.325	225.531.064
Cổ tức đã tạm ứng ở kỳ trước	-	6.000.000.000
Cổ tức phải trả	-	11.000.000.000

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	72.727.273	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ	2.049.964.243	471.806.146
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ	187.547.303	104.532.297

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	30/6/2017	31/12/2016
Trong vòng 1 năm	1.084.986.910	1.102.792.581
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.992.446.276	4.411.170.324
Trên 5 năm	42.605.738.419	37.323.204.875
Cộng	48.683.171.605	42.837.167.780

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để làm trụ sở hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 322.012.471 VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.19).

- Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 1.822,3 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cho hoạt động kinh doanh của

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND.

- Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 118.574,5 m² đất tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang để xây dựng nhà máy sản xuất bê tông, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065. Tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND, Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2028.
- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004 và Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Công ty Phát triển Hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m² đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/ m²/ năm.
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m² đất có chiều dài cập theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ.TĐ ngày 22 tháng 7 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với UBND tỉnh An Giang về việc thuê 13.290,2 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thời hạn thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 2008, đơn giá thuê là 2.450 VND/m²/năm. Trong năm, đơn giá thuê đất được điều chỉnh tính lại từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 là 18.200 VND/m²/năm đối với vị trí 1 có diện tích là 6.606,9 m² và 2.700 VND/m²/năm đối với vị trí 2 có diện tích là 6.683,3 m².
- Hợp đồng thuê đất số 23/HĐ.TĐ ngày 11 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với UBND tỉnh An Giang về việc thuê 314,2 m² đất tại phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thời hạn thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 31 tháng 7 năm 2008. Đơn giá thuê là 42.000 VND m²/năm đối với vị trí 1 có diện tích là 243 m² và là 25.200 VND/m²/năm đối với vị trí 2 có diện tích là 71,2 m². Trong năm, đơn giá thuê đất được điều chỉnh tính lại từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 là 168.000 VND/m²/năm đối với vị trí 1 có diện tích là 243 m² và 100.800 VND/m²/năm đối với vị trí 2 có diện tích là 71,2 m².

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
Thuê thí nghiệm vật liệu	453.969.273	330.404.527
Nhận cổ tức	26.000.000	18.200.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có số dư với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	<u>30/6/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Phải trả tiền thuê thí nghiệm	157.953.700	140.143.300
Phải trả khác	13.186.591	13.186.591

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lương, thưởng và phụ cấp	4.430.748.960	2.696.526.391
Cộng	4.430.748.960	2.696.526.391

3. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 6 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 6 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng (xí nghiệp trực thuộc);
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCOCO (công ty con cấp 2).
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty và Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi (xí nghiệp trực thuộc trước ngày 15 tháng 12 năm 2016); Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOCO (công ty con cấp 1) và Cổ phần Đầu tư Xây dựng TICCOCO An Giang (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCOCO (công ty con cấp 1).
- Bộ phận sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu sản xuất, gia công cửa cống cho công trình thủy lợi. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa (xí nghiệp trực thuộc trước ngày 15 tháng 12 năm 2016) và Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCOCO (công ty con cấp 1).
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Thi công cơ giới (xí nghiệp trực thuộc);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCOCO (TICCCOREAL).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ số dư giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
30/6/2017										
Tài sản										
Tài sản bộ phận	15.271.265.313	411.843.899.716	156.025.758.011	10.248.383.636	4.005.830.822	71.341.393.082		668.736.530.580	(183.873.646.565)	484.862.884.015
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	392.720.478.624	392.720.478.624	(121.928.942.639)	270.791.535.985
Tổng tài sản	15.271.265.313	411.843.899.716	156.025.758.011	10.248.383.636	4.005.830.822	71.341.393.082	392.720.478.624	1.061.457.009.204	(305.802.589.204)	755.654.420.000
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	3.378.284.145	344.942.640.719	123.590.640.923	4.587.663.156	890.572.741	112.478.101.206		589.867.902.890	(172.254.658.722)	417.613.244.168
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	55.502.806.913	55.502.806.913	-	55.502.806.913
Tổng nợ phải trả	3.378.284.145	344.942.640.719	123.590.640.923	4.587.663.156	890.572.741	112.478.101.206	55.502.806.913	645.370.709.803	(172.254.658.722)	473.116.051.081
31/12/2016										
Tài sản										
Tài sản bộ phận	8.527.043.885	354.050.712.613	154.959.830.945	9.975.775.001	4.655.675.663	76.724.836.659	-	608.893.874.766	(195.926.788.882)	412.967.085.884
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	368.553.983.125	368.553.983.125	(87.994.676.465)	280.559.306.660
Tổng tài sản	8.527.043.885	354.050.712.613	154.959.830.945	9.975.775.001	4.655.675.663	76.724.836.659	368.553.983.125	977.447.857.891	(283.921.465.347)	693.526.392.544
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	2.744.547.473	259.375.039.876	117.686.520.933	4.301.107.364	1.067.462.098	102.980.521.678	-	488.155.199.422	(124.945.895.002)	363.209.304.420
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	54.677.820.879	54.677.820.879	-	54.677.820.879
Tổng nợ phải trả	2.744.547.473	259.375.039.876	117.686.520.933	4.301.107.364	1.067.462.098	102.980.521.678	54.677.820.879	542.833.020.301	(124.945.895.002)	417.887.125.299

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017										
Doanh thu thuần bộ phận	22.453.313.408	314.148.395.770	153.214.535.536	11.801.649.958	3.834.104.715	43.952.453.844	-	549.404.453.231	(125.813.807.858)	423.590.645.373
Giá vốn bộ phận	19.261.371.539	247.388.004.611	146.835.631.633	10.649.116.328	3.351.626.699	6.493.634.102	-	433.979.384.912	(125.242.685.793)	308.736.699.119
Chi phí bán hàng	1.936.438.888	29.448.102.225	-	-	-	517.108.992	-	31.901.650.105	-	31.901.650.105
Chi phí quản lý doanh nghiệp	347.302.922	6.419.658.926	11.028.694.366	503.240.680	301.475.810	1.206.490.517	-	19.806.863.221	-	19.806.863.221
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	908.200.059	30.892.630.008	(4.649.790.463)	649.292.950	181.002.206	35.735.220.233	-	63.716.554.993	(571.122.065)	63.145.432.928
Doanh thu hoạt động tài chính	453.130	2.776.979.897	51.766.392	897.485	195.955	375.502	35.037.704.839	37.868.373.200	(32.227.235.779)	5.641.137.421
Chi phí tài chính	173.247.692	2.372.643.674	118.945.715	-	-	-	391.482.532	3.056.319.613	(122.909.652)	2.933.409.961
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	49.992.544	49.992.544
Thu nhập khác	-	-	238.623.285	1	-	96.320.055	-	334.943.341	-	334.943.341
Chi phí khác	190.577	24.314.016	1.308.189.883	6.004.725	-	4.445.337	-	1.343.144.538	-	1.343.144.538
Lợi nhuận trước thuế	735.214.920	31.272.652.215	(5.786.536.384)	644.185.711	181.198.161	35.827.470.453	34.646.222.307	97.520.407.383	(32.625.455.648)	64.894.951.735
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.460.401.615	622.054.548	130.038.087	-	9.324.411.111	-	11.536.905.361	-	11.536.905.361
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	654.306.892	(209.975.192)	-	-	(164.029.620)	451.974.270	732.276.350	(90.578.956)	641.697.394
Lợi nhuận sau thuế	735.214.920	29.157.943.708	(6.198.615.740)	514.147.624	181.198.161	26.667.088.962	34.194.248.037	85.251.225.672	(32.534.876.692)	52.716.348.980

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bề tổng	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phần	Tổng cộng các bộ phần sau hợp nhất
Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016										
Doanh thu thuần bộ phận	12.855.510.436	246.753.632.668	93.443.759.804	7.510.288.480	3.059.590.055	93.798.633.987	-	457.421.415.430	(76.652.352.018)	380.769.063.412
Giá vốn bộ phận	11.020.855.168	182.001.501.515	85.006.878.800	6.287.562.853	3.055.839.599	80.215.292.949	-	367.587.930.884	(73.567.270.433)	294.020.660.451
Chi phí bán hàng	2.609.172.497	26.574.660.323	-	-	-	574.094.680	-	29.757.927.500	-	29.757.927.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	297.682.610	3.945.351.470	6.627.182.890	527.707.023	331.253.244	2.334.013.012	-	14.063.190.249	-	14.063.190.249
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(1.072.199.839)	34.232.119.360	1.809.698.114	695.018.604	(327.502.788)	10.675.233.346	-	46.012.366.797	(3.085.081.585)	42.927.285.212
Doanh thu hoạt động tài chính	-	715.331.606	20.060.909	2.435.094	526.215	480.214	34.114.549.127	34.853.383.165	(32.841.767.684)	2.011.615.481
Chi phí tài chính	125.945.718	1.588.692.878	515.661.495	46.666.667	-	-	530.537.235	2.807.503.993	(243.822.643)	2.563.681.350
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	2.981.859	2.981.859
Thu nhập khác	-	154.786	1.330.184.714	98.254.220	200.000	-	-	1.428.793.720	(354.454.188)	1.074.339.532
Chi phí khác	-	26.725.541	1.977.813.646	4.127	-	-	-	2.004.543.314	(314.339.407)	1.690.203.907
Lợi nhuận trước thuế	(1.198.145.557)	33.332.187.333	666.468.596	749.037.124	(326.776.573)	10.675.713.560	33.584.011.892	77.482.496.375	(35.720.159.548)	41.762.336.827
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.602.395.020	441.179.323	-	-	2.233.316.996	-	5.276.891.339	-	5.276.891.339
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	127.901.510	-	-	-	(224.638.802)	(261.243.398)	(357.980.690)	(276.105.102)	(634.085.792)
Lợi nhuận sau thuế	(1.198.145.557)	30.601.890.803	225.289.273	749.037.124	(326.776.573)	8.667.035.366	33.845.255.290	72.563.585.726	(35.444.054.446)	37.119.531.280

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở 2 khu vực là tỉnh An Giang và tỉnh Tiền Giang:

- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh An Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCOC An Giang (công ty con cấp 1);
- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh Tiền Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Xí nghiệp trực thuộc, các công ty con cấp 1 (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC, Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOC, Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCOC và Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCOC) và công ty con cấp 2 (Công ty TNHH MTV Cọc TICCOC).

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017			Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016		
	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất
Tỉnh An Giang	6.390.223.302	(696.030.000)	5.694.193.302	4.497.158.810	(232.263.810)	4.264.895.000
Tỉnh Tiền Giang	543.014.229.929	(125.117.777.858)	417.896.452.071	452.924.256.620	(76.420.088.208)	376.504.168.412
Cộng	549.404.453.231	(125.813.807.858)	423.590.645.373	457.421.415.430	(76.652.352.018)	380.769.063.412

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản theo khu vực địa lý					
	30/6/2017			31/12/2016		
	Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất	Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất
Tỉnh An Giang	7.558.131.194	(859.670.530)	6.698.460.664	8.945.157.560	(1.043.082.505)	7.902.075.055
Tỉnh Tiền Giang	150.451.999.180	(5.471.158.635)	144.980.840.545	97.689.812.185	(5.785.477.435)	91.904.334.750
Cộng	158.010.130.374	(6.330.829.165)	151.679.301.209	106.634.969.745	(6.828.559.940)	99.806.409.805

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tăng tài sản cố định					
	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017			Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016		
	Tăng tài sản theo khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất	Tăng tài sản theo khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất
Tỉnh An Giang	-	40.909.091	40.909.091	-	-	-
Tỉnh Tiền Giang	66.663.863.275	(4.045.191.109)	62.618.672.166	13.231.947.673		13.231.947.673
Cộng	66.663.863.275	(4.004.282.018)	62.659.581.257	13.231.947.673	-	13.231.947.673

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2017	31/12/2016
Các khoản vay	184.370.190.341	140.896.561.852
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(105.055.295.939)	(101.890.778.581)
Nợ thuần	79.314.894.402	39.005.783.271
Vốn chủ sở hữu	277.634.803.412	270.302.991.370
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	29%	14%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí đề ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.055.295.939	105.055.295.939	101.890.778.581	101.890.778.581
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.145.906.867	65.145.906.867	93.662.588.005	93.662.588.005
Phải thu của khách hàng	183.445.431.548	183.445.431.548	166.410.877.464	166.410.877.464
Phải thu khác	6.794.043.815	6.794.043.815	3.082.030.885	3.082.030.885
Cộng	360.440.678.169	360.440.678.169	365.046.274.935	365.046.274.935
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	119.744.233.719	119.744.233.719	115.742.514.949	115.742.514.949
Chi phí phải trả	46.615.523.100	46.615.523.100	61.818.841.427	61.818.841.427
Phải trả khác	4.257.661.562	4.257.661.562	2.405.507.734	2.405.507.734
Các khoản vay	184.370.190.341	184.370.190.341	140.896.561.852	140.896.561.852
Cộng	354.987.608.722	354.987.608.722	320.863.425.962	320.863.425.962

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2017	31/12/2016
Tài sản tài chính	139.201.252.151	170.725.789.047
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	139.201.252.151	170.725.789.047
Nợ phải trả tài chính	184.370.190.341	140.896.561.852
Các khoản vay	184.370.190.341	140.896.561.852
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	(45.168.938.190)	29.829.227.195

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 451.689.382 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: tăng/giảm 298.292.272 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa (vật liệu xây dựng) và bất động sản sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro về giá cả bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là đầu tư các dự án khu dân cư thuộc tỉnh Tiền Giang, nên phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản. Trong kỳ, tình hình kinh doanh bất động sản tuy đã hoạt động sôi động và nhu cầu của nhà đầu tư tăng trở lại, tuy nhiên hiện tại thị trường có nhiều dự án bất động sản, nhà đầu tư đã thận trọng hơn trong việc lựa chọn, thẩm định các dự án,.... do đó một số dự án bất động sản của Công ty vẫn còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán với tổng giá trị 66.432.366.348 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 74.659.714.833 VND), trong đó dự án Khu dân cư Nguyễn Trãi đang trong giai đoạn đền bù giải tỏa với giá trị 13.882.599.693 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 211.077.999 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.055.295.939	-	-	105.055.295.939
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.505.351.867	28.640.555.000	-	65.145.906.867
Phải thu của khách hàng	183.445.431.548	-	-	183.445.431.548
Phải thu khác	6.628.133.815	165.910.000	-	6.794.043.815
Cộng	331.634.213.169	28.806.465.000	-	360.440.678.169
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	119.744.233.719	-	-	119.744.233.719
Chi phí phải trả	46.615.523.100	-	-	46.615.523.100
Phải trả khác	4.257.661.562	-	-	4.257.661.562
Các khoản vay	99.655.503.999	84.714.686.342	-	184.370.190.341
Cộng	270.272.922.380	84.714.686.342	-	354.987.608.722
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.361.290.789	(55.908.221.342)	-	5.453.069.447
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.890.778.581	-	-	101.890.778.581
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.562.588.005	54.100.000.000	-	93.662.588.005
Phải thu của khách hàng	166.410.877.464	-	-	166.410.877.464
Phải thu khác	2.916.120.885	165.910.000	-	3.082.030.885
Cộng	310.780.364.935	54.265.910.000	-	365.046.274.935
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	115.742.514.949	-	-	115.742.514.949
Chi phí phải trả	61.818.841.427	-	-	61.818.841.427
Phải trả khác	2.405.507.734	-	-	2.405.507.734

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay	85.130.339.354	55.766.222.498	-	140.896.561.852
Cộng	265.097.203.464	55.766.222.498	-	320.863.425.962
Chênh lệch thanh khoản thuần	45.683.161.471	(1.500.312.498)	-	44.182.848.973

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Trình bày lại số liệu

Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2016 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2016 (Được trình bày lại)
Hàng tồn kho	120.589.766.817	(808.880.762)	119.780.886.055
Chi phí trả trước ngắn hạn	105.525.657	20.625.000	126.150.657
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	88.196.355.422	808.880.762	89.005.236.184
Chi phí trả trước dài hạn	5.486.899.689	(20.625.000)	5.466.274.689

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Được trình bày lại)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Các khoản điều chỉnh khác	(22.000)	22.000	-
(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	23.684.814.904	43.638.734	23.728.453.638
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	15.283.306.044	(358.441.192)	14.924.864.852
(Giảm)/ Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	91.784.592.580	2.662.989.067	94.447.581.647
Tiền lãi vay đã trả	(2.651.356.373)	(1.536.617.968)	(4.187.974.341)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	22.000	(22.000)	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(53.502.264.686)	(676.313.533)	(54.178.578.219)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	632.674.799	632.674.799
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.013.899.908	(315.406.907)	1.698.493.001

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	<u>(3.147.477.000)</u>	<u>(452.523.000)</u>	<u>(3.600.000.000)</u>
---	------------------------	----------------------	------------------------

6. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang thống nhất việc chuyển nhượng toàn bộ 75,42% vốn góp cổ phần tương đương giá trị 15.084.100.000 VND của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICC An Giang với giá trị chuyển nhượng là 15.084.100.000 VND. Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng này.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Tiền Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2017



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯƠNG
Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯƠNG
Người lập biểu